

Số: 14 /KH-GD&ĐT

Văn Giang, ngày 25 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Đề án Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang

Căn cứ Kế hoạch số 504/KH-SGDĐT, ngày 29/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên “Thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai và thực hiện Kế hoạch số 504/KH-SGDĐT, ngày 29/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

Xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện theo đúng lộ trình; đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, có sự quản lý và phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện.

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai

đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình thử nghiệm và phát triển một số nền tảng, tài nguyên giáo dục sử dụng chung là chìa khóa để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN VĂN GIANG

1. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các đơn vị trường học đã được đầu tư, trang bị, đáp ứng tương đối tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh bao gồm cả dạy trực tuyến và trực tiếp.

- Hầu hết các trường THCS trong huyện đã được trang bị có phòng máy phục vụ học tin học, có máy chiếu, màn hình ti vi, màn chiếu đa năng phục vụ việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên một cách thường xuyên và hiệu quả.

- 100% các trường học đều có ít nhất 01 đường truyền Internet tốc độ cao, các máy tính đều được kết nối Internet;

Trong năm học, ngành giáo dục tiếp tục mua sắm bổ sung máy tính, trang thiết bị CNTT, và các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng việc giảng dạy tin học trong đó kết nối mạng Internet phục vụ dạy và học tin học cho giáo viên và học sinh.

Hạn chế:

- Số lượng máy tính, các thiết bị CNTT còn thiếu nhiều so với nhu cầu học tập và ứng dụng CNTT hiện tại. Đa số các trường đều thiếu máy tính, máy móc xuống cấp không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu cho dạy học. Một số cơ sở giáo dục nằm trong khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc đầu tư cho cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT thấp nên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ CNTT trong năm học.

- Một số trường đường truyền Internet chưa đảm bảo thiết bị cho việc dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến đáp ứng mọi tình huống xảy ra do dịch bệnh Covid-19.

- Kinh phí đã đầu tư cho lĩnh vực CNTT của ngành Giáo dục và Đào tạo trong những năm qua còn hạn chế: Chỉ tập trung cho mua bổ sung máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý, nâng cấp, mua sắm một số phần mềm phục vụ soạn giảng bài giảng điện tử và duy trì tên miền các Cổng thông tin của đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Hiện trạng về nguồn nhân lực

- Toàn ngành có 100% đơn vị thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành và đổi mới phương pháp dạy học; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức biết sử dụng máy tính trong công việc, các đơn vị

đều có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT (chưa có cán bộ chuyên trách).

- 100% giáo viên có khả năng ứng dụng CNTT hiệu quả trong giảng dạy, tích cực sử dụng các phần mềm dạy học, kiểm tra trực tuyến.

Đội ngũ giáo viên Tin học là lực lượng cốt cán, tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên sử dụng công nghệ trong dạy học trực tuyến.

- Việc chỉ đạo lồng ghép các nội dung tập huấn chuyên môn với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Hạn chế:

Nhận thức của một số ít cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của ứng dụng CNTT chưa cao, chưa tích cực sử dụng thư điện tử công vụ, việc sử dụng các phần mềm, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác CNTT tại các cơ sở kiêm nhiệm nhiều công tác khác trong khi đó chưa có cơ chế đãi ngộ thích hợp, một số cán bộ trình độ còn hạn chế dẫn đến chất lượng và hiệu quả công tác chưa cao.

3. Hiện trạng về ứng dụng CNTT

- *Ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản điều hành:*

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- *Sử dụng hệ thống thư điện tử:*

Việc sử dụng thư điện tử đã thành nền nếp của cán bộ giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo. Đối với cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo, 100% công chức được cấp hộp thư điện tử theo tên miền của tỉnh (*@hungyen.gov.vn).

- *Cổng thông tin điện tử:*

Cổng thông tin điện tử của ngành giáo dục và đào tạo triển khai chính thức từ 2018, đến nay vẫn duy trì hiệu quả tốt. Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trường học mầm non, tiểu học, THCS đều có trang thông tin điện tử là thành viên cổng thông tin điện tử của Phòng, việc thực hiện cung cấp thông tin, văn bản đã đi vào nền nếp, phản ánh đầy đủ các hoạt động của ngành là kênh thông tin chính thức quan trọng đến toàn thể giáo viên, học sinh và các tầng lớp trong xã hội.

- *Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Eschool)*

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Hệ thống thông tin quản lý giáo dục tới các đơn vị trường học phục vụ tốt cho công tác quản lý điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục, Hệ thống đồng bộ liên thông dữ liệu với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục do Bộ GD&ĐT triển khai. Ngành đã chỉ đạo các đơn vị từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành; thực hiện tin nhắn điều hành tới các đơn vị cơ sở có hiệu quả; khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; Hoàn thiện một số hệ thống phục vụ

cho công tác chuyên môn.

Các đơn vị nhà trường đã sử dụng hệ thống Hệ thống thông tin giáo dục Hưng Yên một cách hiệu quả. 100% học sinh được số hóa thông tin về lý lịch, quá trình học tập, rèn luyện, theo dõi sức khỏe,...; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được số hóa hồ sơ, trình độ chuyên môn, đánh giá theo chuẩn, lương...;

- Một số các ứng dụng chuyên ngành đang triển khai, khai thác sử dụng:

Hiện nay, 100% các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã triển khai sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm ứng dụng trong toàn ngành như:

- Phần mềm quản lý nhân sự (Do Sở Nội vụ triển khai và ePMIS do Bộ GDĐT triển khai);

- Hệ thống sinh hoạt chuyên môn trường trực tuyến;

- Phần mềm kế toán MISA;

- Các phần mềm dạy học trực tuyến (MS Teams, Zoom, Google Meet,...), các ứng dụng kiểm tra đánh giá học sinh trực tuyến;

- Hệ thống quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ;

- Tập huấn, triển khai phần mềm soạn bài giảng E-learning, các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh của ngành và khuyến khích sử dụng phần mềm mã nguồn mở để tiết kiệm chi phí và tránh vi phạm bản quyền phần mềm;

Một số phần mềm do các trường chủ động thực hiện nhằm tăng cường sự quản lý học tập và rèn luyện học sinh như: Sổ liên lạc điện tử SMAS 3.0; Sổ liên lạc điện tử VnEdu;

Đánh giá: Nhìn chung, việc triển khai ứng dụng CNTT về cơ bản đã đạt được mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2021, góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác dạy học, công tác quản lý. Hạ tầng kỹ thuật CNTT được đầu tư đảm bảo kết nối và triển khai các ứng dụng dùng chung để trao đổi thông tin trên môi trường mạng nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Hạn chế:

- Chưa có khung ứng dụng chính quyền điện tử tổng thể toàn ngành và liên thông với các hệ thống chính phủ điện tử.

- Chưa có nền tảng để triển khai các dịch vụ thông minh và kết nối. Dữ liệu phân tán, chưa tập trung. Khó khăn trong việc thống kê, báo cáo.

- Chưa xây dựng được kho học liệu dùng chung và các ứng dụng chia sẻ có chất lượng.

- Nguồn tài nguyên, học liệu của ngành phục vụ cho dạy học, thi, kiểm tra chưa phong phú. Việc khai thác và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học chưa phát huy hết hiệu quả. Toàn ngành chưa thực hiện việc tổ chức thi, kiểm tra,

đánh giá trực tuyến quy mô cấp huyện.

- Chưa có hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp sử dụng trực tuyến kết nối cơ sở dữ liệu toàn ngành,

- Chưa có hệ thống phần mềm Thư viện cho toàn ngành sử dụng trực tuyến kết nối cơ sở dữ liệu của ngành.

- Thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế.

- Một bộ phận nhân viên làm công tác văn phòng, thống kê còn yếu về kỹ thuật, chưa đáp ứng yêu cầu. Cấp Tiểu học chưa có biên chế giáo viên bộ môn Tin học. Còn một bộ phận giáo viên chưa tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò của ứng dụng CNTT, chuyên đổi số trong giáo dục hiện nay.

- Đang thiếu kinh phí để duy trì, nâng cấp các hệ thống thông tin đã xây dựng như: Hệ thống thông tin giáo dục, Cổng thông tin ngành, Kho bài giảng trực tuyến,

4. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

Nhìn chung, công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu. Internet và công nghệ thông tin hiện nay phát triển rất nhanh cả về số lượng, quy mô, công nghệ và độ phức tạp nên còn tồn tại cũng như liên tục phát sinh mới các điểm yếu, hầu như không áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn thông tin và chưa có quy trình để ứng phó khi có sự cố xảy ra.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn huyện Văn Giang, tỉnh Hưng yên từng bước hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số của toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương, mỗi cơ sở giáo dục và đồng bộ với Kế hoạch chuyển đổi số của toàn tỉnh; từng bước hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp nhất cho mọi người dân.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 80% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến.

Ứng dụng một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng

Hình thành kho học liệu trực tuyến của ngành kết nối với kho học liệu của tỉnh, của quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến.

Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học (tính trên số lượng tiết học và điểm kiểm tra đánh giá kết quả học tập);

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

3. Yêu cầu

Áp dụng hiệu quả các giải pháp CNTT tiên tiến, an toàn, phù hợp thực tiễn để tạo sự đột phá, rút ngắn thời gian chuyển đổi số.

Lấy người học và người dạy làm trung tâm quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi trong ngành.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của thành công để xây dựng “cơ quan số” tại đơn vị, địa phương, toàn ngành Giáo dục; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị, và toàn ngành.

Trong chỉ đạo, điều hành, mỗi cán bộ quản lý, cấp quản lý phải chuyển đổi nhận thức, xuất phát từ người đứng đầu phương châm “4 không, 1 có”, cụ thể: Làm việc không giấy tờ, hội họp không tập trung; dịch vụ công không gặp mặt; thanh toán không dùng tiền mặt và có số hóa thông tin, dữ liệu.

Xác định chuyển đổi số là cơ hội để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI).

Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành Giáo dục không ngừng nỗ lực, chủ động cập nhật bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc phù hợp với yêu cầu, định hướng về chuyển đổi số.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cấp

quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh.

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy - học

Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cải cách các mô hình quản trị cơ sở giáo dục (quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị văn phòng điện tử, quản lý các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khác);

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản

lý giáo dục (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử

dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Giải pháp Chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

- Số hóa tài liệu, giáo trình.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- Sử dụng các công nghệ và nền tảng số hóa nhằm nâng cao chất lượng việc dạy và học, thay đổi toàn diện công tác quản lý và điều hành ngành Giáo dục huyện Văn Giang.

- Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh với sự tham gia của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh và học sinh.

- 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

V. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Đề án; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng GD&ĐT

- Hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này đảm bảo đúng mục tiêu đã đề ra. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao trong Kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.


- Tham mưu lãnh đạo huyện bố trí kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp báo cáo UBND huyện và Sở GD&ĐT về tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của ngành theo quy định.

2. Các trường học trong huyện

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch riêng tại đơn vị, tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí.

- Thực hiện báo cáo đầy đủ, đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Sở GD&ĐT xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Chuyên viên phòng GD&ĐT;
- Công TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Các trường MN, TH, THCS trong huyện;
- Trường TH và THCS Phụng Công;
- Lưu: VT.



Đào Thị Bích Ngọc